

**GTÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13 /2022/HNGĐ-ST**

Ngày: **28 / 01 /2022.**

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Bé Nga

2- Bà Đoàn Thị Ngọc Hân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phấn – Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 524/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06 /2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Kim H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: A, Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1967;

Địa chỉ: A, Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng A- phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre

(Anh S yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Ngân hàng từ chối tham gia tố tụng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2021, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay chị H trình bày:

Chị và anh S sống chung vào năm 2000, đến năm 2005 thì anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, cuộc sống của vợ chồng chị hạnh phúc được nhiều năm. Khoảng 3 năm gần đây thì vợ chồng chị

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh S thường xuyên nhậu, kiếm chuyện chửi và đuổi chị đi khỏi nhà. Chị đi làm công ty, anh S cho rằng chị có bạn khác nên ghen tuông, chửi chị, gia đình chị và còn đánh chị. Chị và anh S đã ly thân hơn 01 năm nay. Chị ở trọ tại xã H, gần công ty của chị làm. Trong thời gian ly thân thì thỉnh thoảng chị có về nhà thăm các con nhưng không có chuyện trò tình cảm gì với anh S, còn anh S thì không có tới thăm chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh S không còn, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S, không yêu cầu anh S cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: có 04 con chung tên Nguyễn Minh H1, sinh năm 2001, Nguyễn Văn T1 sinh ngày 21/3/2005, Nguyễn Văn T2 sinh ngày 12/10/2010 và Nguyễn Văn T3 sinh ngày 25/5/2008. Hiện con Minh H1 đã trưởng thành, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi con tên T2 và T3, giao con tên T1 cho anh S nuôi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

Về nợ chung: có nợ ngân hàng A, phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 30 triệu đồng. Hiện còn nợ hơn 20 triệu đồng. Khoản nợ này chị và anh S đã thỏa thuận, anh S sẽ trả nợ một mình gồm gốc và lãi cho ngân hàng theo hợp đồng vay vốn đã ký.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong vụ án, có lời trình bày như sau:

Anh và chị H kết hôn nay đã hơn 18 năm. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn. Anh S thừa nhận anh có thường xuyên nhậu, vợ chồng cự cãi, bất đồng về tính cách. Khoảng hơn 01 năm nay thì vợ chồng anh ly thân. Chị H đi làm rồi ở trọ dưới khu công nghiệp H, anh không biết địa chỉ cụ thể. Anh còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 04 con chung như chị H trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, anh đồng ý nuôi con tên T1, giao 02 con là T2 và T3 cho chị H nuôi. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Đối với cháu H1 đã trưởng thành anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung thì vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh chị có nợ ngân hàng A, phòng giao dịch ngân hàng A huyện C số tiền 30 triệu đồng. Anh đã trả nợ gốc lãi được một số tiền, anh không nhớ chính xác là bao nhiêu. Hiện vợ chồng anh còn nợ ngân hàng khoảng 25 triệu đồng. Anh S đồng ý tự nguyện trả nợ một mình số tiền trên cho ngân hàng bao gồm gốc và lãi theo hợp đồng vay đã ký với ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng A chi nhánh phòng giao dịch Ngân hàng A huyện C, tỉnh Bến Tre có ý kiến tại văn bản số 357/NHCS-CV, ngày 28/12/2021 như sau:

Ngày 27/9/2017, ông Nguyễn Văn S và bà Hồ Thị Kim H vay của ngân hàng số tiền là 30.000.000 đồng chương trình cho vay hộ nghèo, lãi suất là 0,55%/tháng, thời hạn vay là 60 tháng, đến hạn ngày 27/9/2022 để chăn nuôi bò, dê. Khoản vay trên do ông S đại diện gia đình nhận nợ. Bà H là thành viên trong hộ ký tên ủy quyền cho ông S vay vốn. Hiện dư nợ của ông S, bà H là 21.000.000 đồng (*hai mươi một triệu đồng*) nợ gốc, không còn nợ lãi, số dư tiền gửi tiết kiệm là 2.438.873 đồng. Nay ông S, bà H ly hôn, ông S tự nguyện nhận trách nhiệm một mình trả nợ đối với khoản vay này. Vì vậy Ngân hàng không có yêu cầu trong vụ án này và từ chối tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về tố tụng: anh S có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Sang là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, những chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn nhân của chị H, anh S về đời sống chung đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H. Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn T3 cho chị H nuôi con, anh S nuôi con tên Nguyễn Văn T1, hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Đối với con Văn H1 đã trưởng thành, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung, hai bên tự thỏa thuận. Về nợ chung: có nợ ngân hàng chính sách huyện Châu Thành số tiền gốc là 30.000.000 đồng, dư nợ đến nay 28/12/2021 là 21.000.000 đồng. Anh S tự nguyện trả số nợ trên cho ngân hàng và Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn S là bị đơn trong vụ án có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh S.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị H và anh S tự nguyện kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/7/2005 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh S phát sinh mâu thuẫn, chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh S.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay chị H xác định đã không còn tình cảm với anh S nên vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh S. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng chị H, anh S hàn gắn tình cảm nhưng anh S yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, không tới Tòa để hòa giải với chị H. Điều đó thể hiện anh S đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, theo xác minh của Tòa án thể hiện giữa chị H và anh S đã có những mâu thuẫn phát sinh. Bản thân anh S cũng thừa nhận anh chị thường xuyên gây gổ cự cãi, đã ly thân hơn 01 năm nay. Trong thời gian ly thân chị H, anh S không có liên lạc hay quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Qua đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị H với anh S là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh S có 04 con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh năm 2001, Nguyễn Văn T1 sinh ngày 21/3/2005, Nguyễn Văn T2 sinh ngày 12/10/2010 và Nguyễn Văn T3 sinh ngày 25/5/2008.

Chị H có yêu cầu nuôi con T2, T3, giao con T1 cho anh S nuôi, hai bên không ai cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S cũng đồng ý giao hai con là T2 và T3 cho chị H nuôi, anh S nuôi con tên T1, hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Bản thân cháu T2 và cháu T3, có nguyện vọng được sống với chị H, cháu T1 có nguyện vọng được sống với anh S.

Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T2, cháu T3 cho chị H và giao cháu T3 cho anh S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho con chung, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn anh S, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh S, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau do các bên tự nguyện không yêu cầu.

Đối với cháu Văn H1, đã trưởng thành, chị H, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị H, anh S có nợ Ngân hàng A phòng giao dịch huyện C số tiền là 30.000.000 đồng. Dư nợ đến ngày 28/12/2021 là 21.000.000 đồng, (nợ gốc, không còn nợ lãi). Anh S tự nguyện trả số nợ trên một mình cho ngân hàng theo hợp đồng đã ký. Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Tòa án không xét đến.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị H phải nộp.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Kim H được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Ghi nhận chị H, anh S không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn

Quan hệ hôn nhân của chị H, anh S chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: chị Hồ Thị Kim H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn T2 sinh ngày 12/10/2010 và Nguyễn Văn T3 sinh ngày 25/5/2008; Anh Nguyễn Văn S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh ngày 21/3/2005. Chị H, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Cháu Văn H1 đã trưởng thành, chị H, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị H, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Chị H, anh S trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh S, chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có

thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Chị H, anh S có nợ Ngân hàng A phòng giao dịch huyện C số tiền là 30.000.000 đồng. Dư nợ đến ngày 28/12/2021 là 21.000.000 đồng, (nợ gốc, không còn nợ lãi). Anh S tự nguyện trả số nợ trên một mình cho ngân hàng theo hợp đồng đã ký. Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Tòa án không xét đến.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Hồ Thị Kim H phải nộp là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001167 ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị Hồ Thị Kim H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện Châu Thành
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết

